

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;*

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1665/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh năm 2025.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024; số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 về hoạt động vận tải đường bộ; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024 và số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại các Văn bản số 1539/TTr-SXD ngày 21/4/2025 và số 2415/SXD-QLVT₇ ngày 30/5/2025 (kèm Báo cáo thẩm định số 960/BC-STP ngày 15/4/2025 và Văn bản số 1381/STPXDKT&TDTHPL ngày 30/5/2025 của Sở Tư pháp); trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên UBND tỉnh (bằng Phiếu biểu quyết);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chi tiết một số nội dung của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Sở Xây dựng (cơ quan đề xuất), Sở Tư pháp (cơ quan thẩm định) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về toàn bộ các nội dung báo cáo, thẩm định, đề xuất, tham mưu đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 09 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Website Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, GT₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chi tiết một số nội dung của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày
27/6/2024 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết một số nội dung của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024, bao gồm:

1. Khoản 6 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh.
2. Khoản 4 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị trên địa bàn tỉnh.
3. Khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.
4. Khoản 2 Điều 47 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.
5. Khoản 2 Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh.
6. Các hoạt động vận tải trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trùng với đường đô thị và vận tải phục vụ an ninh, quốc phòng không thuộc phạm vi điều chỉnh tại quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ, vận chuyển hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa và hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường, chở vật liệu xây dựng, phế thải rời bằng xe ô tô trong đô thị; quản lý và sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

4. Quy định không áp dụng đối với:

- a) Xe mô tô thuộc biên chế của lực lượng công an và quân đội;
- b) Xe thô sơ làm nhiệm vụ thu gom rác;
- c) Xe mô tô 2 bánh, 3 bánh của thương binh, người tàn tật dùng làm phương tiện đi lại.

d) Các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường trong đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính các phường gồm lòng đường và hè phố.

2. Hoạt động vận tải bằng ô tô trong đô thị là việc sử dụng xe ô tô để chở người, hàng hóa, vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải nguy hại, rác thải vệ sinh môi trường trên các tuyến đường đô thị.

3. Hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa tiêu dùng, động vật sống và các động sản khác.

4. Hàng hóa trong văn bản này gồm: hàng hóa thông thường, hàng nguy hiểm, hàng công-ten-nơ và hàng siêu trường, siêu trọng.

5. Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật là xe buýt có hệ thống thiết bị nâng, hạ phục vụ người khuyết tật lên, xuống xe và vị trí dành riêng cho người khuyết tật.

6. Giờ cao điểm là giờ có mật độ người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ lưu thông lớn nhất trong ngày trên các tuyến đường giao thông, cụ thể như sau: buổi sáng từ 06 giờ 30 phút đến 08 giờ 30 phút hàng ngày; buổi chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút hàng ngày.

7. Hành khách là người được chở trên phương tiện vận tải đường bộ có trả tiền.

8. Xe mô tô gồm: xe có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, trừ xe gắn máy; đối với xe ba bánh thì khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.

9. Xe gắn máy là xe có hai hoặc ba bánh chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, có vận tốc thiết kế không lớn hơn 50

km/h; nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không lớn hơn 50 cm³; nếu động cơ dẫn động là động cơ điện thì công suất của động cơ không lớn hơn 04 kW; xe gắn máy không bao gồm xe đạp máy;

10. Xe thô sơ bao gồm:

a) Xe đạp là xe có ít nhất hai bánh và vận hành do sức người thông qua bàn đạp hoặc tay quay;

b) Xe đạp máy, gồm cả xe đạp điện, là xe đạp có trợ lực từ động cơ, nguồn động lực từ động cơ bị ngắt khi người lái xe dừng đạp hoặc khi xe đạt tới tốc độ 25 km/h;

c) Xe xích lô;

d) Xe lăn dùng cho người khuyết tật;

đ) Xe vật nuôi kéo;

e) Xe tương tự các loại xe quy định tại khoản này.

11. Các loại xe tương tự là các loại xe có kết cấu, tính năng, động cơ (nếu có) tương tự xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ VÀ TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ; THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA XE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, XE Ô TÔ CHỖ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, PHÉ THẢI RỜI TRONG ĐÔ THỊ

Điều 4. Yêu cầu đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải: Có Giấy phép kinh doanh vận tải do Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng) cấp đang còn hiệu lực.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ đối với từng loại phương tiện theo quy định tại Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

c) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

d) Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

đ) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định của pháp luật phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động; phù hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định.

Điều 5. Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe buýt phải hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định.

3. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình tuyến đi qua để phục vụ mục đích khác. Trường hợp tuyến đường đó cấm ô tô khách hoạt động, thì đơn vị vận tải phải chủ động đề xuất với Sở Xây dựng để có phương án điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị như quy định đối với xe buýt được quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Hoạt động vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng; hoạt động vận tải hành khách bằng xe trung chuyển

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Phương tiện kinh doanh vận tải khách du lịch, được ưu tiên bố trí nơi dừng đỗ thuận tiện để đón, trả khách du lịch, nhưng phải tuân thủ quy định về tổ chức giao thông. Việc dừng đón trả khách du lịch tại các bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch... thì thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch đó.

3. Xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách, đồng thời phải giữ gìn an ninh trật tự xã hội và giữ vệ sinh chung; các điểm dừng, đỗ đón trả khách phải đảm bảo an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

4. Xe ô tô sử dụng để trung chuyển hành khách phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

Điều 8. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả hành khách.

Điều 9. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe chở hàng phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.

3. Trường hợp xe chở hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe lưu thông vượt quá tải trọng quy định, xe cần thiết phải lưu thông trong đô thị ngoài thời gian cho phép lưu thông được quy định tại khoản 4 Điều 12 của Quy định này thì phải có Giấy phép lưu hành xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 10. Hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách và xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hoạt động bảo đảm đúng thời gian và phạm vi quy định.

3. Không chở hàng hóa cồng kềnh và quá tải trọng cho phép chở của xe, không chở quá số người cho phép chở trên xe gây cản trở, mất trật tự an toàn giao thông.

Điều 11. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường và xe ô tô chở phế thải rời, xe ô tô chở vật liệu xây dựng cho các công trường xây dựng trong đô thị.

1. Phương tiện, thiết bị chuyên dùng để thu gom vận chuyển chất thải, phế thải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là xe tải chuyên dùng (đối với xe vận chuyển bùn hầm cầu), xe thu gom vận chuyển phế thải, xe tải có thùng kín và xe trang bị bạt phủ (đối với xe vận chuyển bùn nạo vét);

b) Bồn xe hoặc thùng xe có trang bị van khóa, đảm bảo không gây rò rỉ chất thải trong quá trình lưu thông vận chuyển;

c) Thiết bị bơm, hút bùn hầm cầu, bùn nạo vét phải đảm bảo kín không rò rỉ;

d) Có đầy đủ thiết bị và biện pháp kỹ thuật làm vệ sinh xe tại địa điểm thu gom, tại cơ sở trong thời gian lưu giữ và tại địa điểm xử lý sau khi chuyển giao bùn hầm cầu, bùn nạo vét đến địa điểm xử lý tập trung.

2. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời

a) Phải được che phủ kín, không để rơi vãi trên đường phố;

b) Trường hợp để rơi, vãi vật liệu xây dựng, phế thải rời xuống đường thì đơn vị vận tải và người lái xe phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay và đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường;

c) Có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây ô nhiễm trong suốt quá trình vận chuyển.

Điều 12. Thời gian và phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe

1. Ô tô đưa đón cán bộ, nhân viên, công nhân, học sinh, sinh viên (xe ô tô chở người nội bộ); ô tô chở khách theo hợp đồng, xe taxi, ô tô con được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông.

2. Ô tô chở khách du lịch được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông nhưng phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

3. Ô tô khách hoạt động theo tuyến cố định được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến cố định đã được công bố nhưng phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

4. Ô tô chở hàng hóa (bao gồm xe ô tô kinh doanh vận tải và xe ô tô chở hàng nội bộ) có khối lượng chuyên chở cho phép (xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường đô thị không bị cấm lưu thông; tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị và hoạt động theo thời gian được quy định như sau:

a) Dưới 1,5 tấn được hoạt động 24/24 giờ trong ngày.

b) Từ 1,5 tấn đến 3,5 tấn được lưu thông ngoài giờ cao điểm.

c) Trên 3,5 tấn chỉ được phép lưu thông vào khoảng thời gian từ 22 giờ 00 phút tối ngày hôm trước đến 06 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau.

5. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, xe chở chất thải rời trong đô thị được phép hoạt động vào khoảng thời gian từ 20 giờ 00 phút tối ngày hôm trước đến 06 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau.

6. Xe máy chuyên dùng (trừ xe máy chuyên dùng có bánh xích và các loại xe đặc chủng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông trong các khoảng thời gian ngoài giờ cao điểm. Khi hoạt động trong công trường phải có biển báo hiệu giới hạn phạm vi công trường, phải bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển.

7. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị; trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

8. Xe cứu hộ giao thông được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị.

9. Xe bốn bánh có gắn động cơ chở người và xe bốn bánh có gắn động cơ chở hàng được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị được cơ quan có thẩm quyền tổ chức giao thông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ phải chấp hành các quy định về phân luồng, tuyến đường, khung giờ hoạt động theo quy định.

10. Trong tình trạng khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, dịch bệnh) có quy định khác thì thực hiện theo các quy định đó.

Điều 13. Quy định về phương tiện để người khuyết tật tiếp cận sử dụng

1. Phương tiện để người khuyết tật tiếp cận sử dụng là xe ô tô khách thành phố có chỗ dành cho người khuyết tật và có kết cấu để người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng thuận lợi.

2. Phải có số chỗ ngồi từ 16 chỗ trở lên (kể cả chỗ cho người khuyết tật, không kể chỗ của người lái xe).

3. Đáp ứng các yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô khách thành phố, số hiệu QCVN 10:2024/BGTVT và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng, số hiệu QCVN 82:2024/BGTVT được Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành kèm theo Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024.

Điều 14. Quy định về tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đầu tư các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau:

a) Từ năm 2025 đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

b) Từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 2% tỷ lệ phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

c) Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 20% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

3. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt đăng ký để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hoạt động sau ngày Quy định này có hiệu lực thì phải có ít nhất 10% và không ít hơn 01 (một) phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng quy định tại Điều 13 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định hiện hành.

2. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi khởi hành; kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn.

3. Có biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của hành khách đi xe, giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe.

4. Cho xe dừng đỗ đúng nơi quy định.

5. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải giúp đỡ người khuyết tật, đặc biệt là người khuyết tật bị hạn chế khả năng vận động, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ khi lên, xuống xe.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của hành khách

1. Được cung cấp thông tin về những tuyến đường, tuyến xe buýt; yêu cầu nhân viên bán vé đưa vé đi xe buýt hay hóa đơn thanh toán tiền đi xe taxi khi đã thanh toán.

2. Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy vận chuyển, tuân thủ hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để đảm bảo an toàn trật tự trên xe. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người khác đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật.

3. Hành khách đi trên xe phải giữ gìn vệ sinh môi trường theo quy định pháp luật.

4. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho hành khách là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ và trẻ em.

5. Người khuyết tật được ngồi tại những ghế ưu tiên dành cho người khuyết tật và được giúp đỡ trong việc lên xuống xe khi đi xe.

Mục 2

SỬ DỤNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY, XE THÔ SƠ ĐỂ KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA

Điều 17. Người điều khiển phương tiện

1. Người điều khiển xe mô tô hai bánh, ba bánh phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
2. Người điều khiển phương tiện xe gắn máy phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
3. Người điều khiển phương tiện xe thô sơ phải có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn và hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ.
4. Người điều khiển xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, ba bánh khi tiến hành hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa tham gia giao thông khuyến khích có biển hiệu hoặc trang phục riêng để phân biệt với các đối tượng tham gia giao thông khác.

Điều 18. Phương tiện vận chuyển

1. Xe mô tô, xe gắn máy phải đáp ứng các điều kiện đối với xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ;
2. Xe thô sơ đáp ứng các điều kiện hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024.

Điều 19. Hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
2. Việc đón, trả khách, hàng hóa tùy thuộc vào nhu cầu của hành khách, chủ hàng hóa và theo quy định đón trả khách, hàng hóa tại các khu vực công cộng và tuân thủ quy định Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất quản lý việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn. Nội dung quản lý, gồm:
 - a) Lập hồ sơ danh sách các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa;
 - b) Quản lý các vị trí đón trả khách, hàng hóa trên địa bàn đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, trật tự an toàn đô thị và vệ sinh môi trường;
 - c) Kiểm tra, hướng dẫn việc mua bán, cho tặng phương tiện theo đúng quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan cấp trên có thẩm quyền về giá cước vận chuyển.

đ) Đôn đốc các chủ thể kinh doanh thực hiện nghĩa vụ với nhà nước; biểu dương, khen thưởng người tốt, việc tốt; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động vận chuyển như triển khai dịch vụ gọi xe qua ứng dụng điện thoại di động.

Điều 20. Phạm vi và thời gian hoạt động vận chuyển

1. Phạm vi tuyến đường hoạt động

Xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa được hoạt động trên các tuyến đường giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trừ đường cao tốc.

2. Thời gian hoạt động vận chuyển

a) Xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, xe thô sơ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa được phép hoạt động 24 giờ trong ngày.

b) Xe mô tô ba bánh kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa được phép hoạt động 24 giờ trong ngày; đối với các tuyến đường trong đô thị, trên các tuyến quốc lộ được hoạt động trong khoảng thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

c) Trong trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh,...có quy định khác thì thực hiện theo quy định đó.

Mục 3

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA XE THÔ SƠ, XE CHỖ HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ; THỜI GIAN VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ VÀ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Điều 21. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ

Xe thô sơ được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn tỉnh, trừ đường cao tốc và các khu vực, tuyến đường cấm hoặc hạn chế hoạt động theo quy định.

Điều 22. Phạm vi hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hành khách, hàng hóa

Xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ do Cơ quan có thẩm quyền tổ chức giao thông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số

165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 23. Thời gian hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hành khách, hàng hóa

Xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa được phép hoạt động 24 giờ/24 giờ trong ngày trên các tuyến đường được tổ chức giao thông theo quy định tại Điều 22 của Quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Sở Xây dựng

- a) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo thẩm quyền;
- b) Tổ chức, quản lý hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện đúng các quy định của pháp luật và tại Quy định này;
- c) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai quy định này để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện theo đúng quy định;
- d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu UBND tỉnh tổ chức giao thông trên các tuyến đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý, tham mưu đề xuất Bộ Xây dựng tổ chức giao thông trên các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- đ) Kiểm tra xử lý theo thẩm quyền đối với các đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan trong việc xác định các điểm dừng đón, trả khách và hàng hóa đảm bảo yêu cầu về trật tự an toàn giao thông tại địa phương;
- e) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy định này;
- g) Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh được Sở Xây dựng cấp Giấy phép kinh doanh vận tải; phối hợp với các lực lượng chức năng khác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm của chủ xe, người điều khiển xe theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và Quy định này;

i) Thông báo kế hoạch phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị tới các đơn vị kinh doanh vận tải để thực hiện;

k) Theo dõi tình hình thực hiện, tổ chức kiểm tra việc triển khai quy định này và tình hình hoạt động tại các địa phương; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo Lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát Trật tự, Cảnh sát Cơ động và Công an cấp xã thường xuyên tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đối với hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ, vận chuyển hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn quản lý theo quy định pháp luật.

b) Kết nối, chia sẻ thông tin về xử phạt vi phạm hành chính đối với các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ cho Sở Xây dựng để phối hợp quản lý.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã rà soát, thống kê các loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ kinh doanh vận tải đã được đăng ký và cấp biển số để quản lý (kể cả phương tiện đã đăng ký và cấp biển số ở các địa phương khác đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh).

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn các đơn vị, cá nhân kinh doanh vận tải thực hiện thực hiện các quy định của pháp luật về giá và các quy định của pháp luật có liên quan theo thẩm quyền.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương đề xuất các khu vực, tuyến đường phục vụ xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phù hợp với tình hình hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch trên địa bàn tỉnh.

c) Tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và Quy định này đến các đơn vị kinh doanh du lịch và khách du lịch biết để chấp hành.

5. Sở Khoa học và công nghệ

Phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị cung ứng dịch vụ hỗ trợ triển khai giải pháp ứng dụng (app), áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, vận chuyển hành khách (gọi xe qua ứng dụng điện thoại di động) để phục vụ công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ vận chuyển hành khách, hàng hoá.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn theo thẩm quyền; chỉ đạo lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đối với hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ, vận chuyển hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn quản lý theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức cấm biển báo hạn chế tốc độ cho các phương tiện hoạt động trên các tuyến đường được giao quản lý theo quy định tại Điều 22 Quy định này.

c) Tổ chức cấm biển dừng đón, trả khách và hàng hóa đảm bảo yêu cầu về trật tự an toàn giao thông tại địa phương.

d) Thống kê các cá nhân, hộ gia đình, tổ, đội, hợp tác xã tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ và các loại xe tương tự khác trên địa bàn quản lý; lập hồ sơ theo dõi và định kỳ vào ngày 25 tháng cuối quý tổng hợp, báo cáo về Sở Xây dựng.

đ) Định kỳ vào ngày 25 tháng cuối quý tổng hợp, báo cáo việc triển khai quy định này tại địa phương và tình hình hoạt động của các đối tượng tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa về Sở Xây dựng.

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hoạt động xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa và các nội dung tại Quy định này.

6. Đơn vị kinh doanh vận tải

a) Thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ phải đảm bảo các điều kiện theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Xây dựng kế hoạch thực hiện các quy định về phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật được quy định tại Mục 1 Chương II của Quy định này.

c) Trang bị thùng rác và túi đựng rác cho phương tiện vận tải hành khách của đơn vị; kiểm soát hành vi xả thải của hành khách trên xe không để gây ô nhiễm môi trường.

d) Được sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ để phục vụ hoạt động vận tải trên tuyến; Được hỗ trợ về tài chính đối với hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt theo các quy định hiện hành

đ) Tổ chức hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ theo đúng thời gian, phạm vi hoạt động cho phép tại Quy định này.

e) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh vận tải của đơn vị về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện quy định này; quán triệt, tuyên truyền Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.